

Bản án số: 62/2017/HNGĐ-ST.

Ngày: 22/9/2017.

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Tường Vy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Hòa;

2. Ông Lê Đức Dũng.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Nguyễn Quang Trực – Thư ký TAND huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện VKSND huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai: ông Đào Văn Dũng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm vụ án HNGĐ thụ lý số: 169/2017/TLST-HNGĐ ngày 16/6/2017 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2017/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Phạm Thị D, sinh năm: 1995. (Có mặt)

HKTT: tổ 1, ấp 3, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: ông Nguyễn Tạ Thiện L, sinh năm: 1987. (Có mặt)

HKTT: tổ 4, ấp 4, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 31/3/2017, trong quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Phạm Thị D trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: vào năm 2016, chị và anh L tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, theo giấy chứng nhận kết hôn số 21/2016 ngày 23/02/2016. Đây là kết hôn lần đầu tiên của hai anh chị. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng cãi nhau và anh L đánh chị. Từ đầu năm 2017, chị và anh L đã ly thân cho đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh L.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung cháu Nguyễn Đăng K – Sinh ngày 18/6/2016. Khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: vợ chồng có một đàn dê trị giá khoảng 20 triệu đồng và tại phiên tòa hôm nay chị cũng thống nhất với ý kiến của anh L là trị giá đàn dê là 17.000.000 đồng do anh L đang quản lý và 20 triệu đồng tiền mặt đã đưa mẹ chồng là bà Tạ Thị Kim O mượn để bà O cho bạn của bà mượn. Nợ chung: không có. Khi ly

hôn chị yêu cầu anh L trả cho chị 20.000.000 đồng, còn giao 17.000.000 đồng cho anh L.

* Theo tự khai, trong quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay bị đơn là anh Nguyễn Tạ Thiện L trình bày: anh thống nhất như với lời khai của chị D về năm kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung.

Tuy nhiên, về mâu thuẫn vợ chồng thì anh cho rằng vợ chồng có cãi nhau về cuộc sống sinh hoạt hằng ngày. Chị D hôn với anh, đem giấy tờ ra đốt và đập đồ trong nhà nên anh mới đánh chị D. Từ đầu năm 2017, chị D bỏ về nhà mẹ ruột ở cho đến nay, anh có khuyên chị D quay về nhưng chị không đồng ý. Nay chị D yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý.

- Về con chung: Trường hợp ly hôn thì anh đồng ý giao cháu K cho chị D nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: anh thống nhất với lời trình bày của chị D là vợ chồng có 1 đàn dê, tuy nhiên anh đã bán đàn dê này đi được 17.000.000 đồng và vợ chồng có đưa tiền cho mẹ anh mượn để mẹ anh cho người khác mượn lại. Khi ly hôn anh đồng ý trả cho chị D 20 triệu đồng và phần anh là 17.000.000 đồng. Đối với số tiền mẹ anh mượn anh thì anh sẽ tự yêu cầu mẹ anh trả cho anh sau.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa: Tòa án còn vi phạm về thời gian nhận và thụ lý đơn. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: cho chị D ly hôn với anh L, giao con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh L; anh L có nghĩa vụ giao cho chị D 20 triệu đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: chị D và anh L tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật, tuy nhiên cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nên chị D yêu cầu ly hôn với anh L, yêu cầu được nuôi con chung và chia tài sản chung khi ly hôn. Như vậy, đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn" theo khoản 1,2 Điều 28 BLTTDS. Tại đơn xin xác nhận ngày 30/3/2017 (BL 06) thì bị đơn anh Nguyễn Tạ Thiện là dân thường trú và đang sinh sống tại tổ 4, ấp 4, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Mặc dù, chị D và anh L không thống nhất với nhau về mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên, qua lời trình bày của 2 anh chị trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay cho thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh L là có thật. Anh L cũng thừa nhận có đánh chị D khi 2 vợ chồng cãi vã nhau, đây là hành vi bạo lực gia đình và đó là một trong những căn cứ để Tòa án giải quyết cho ly hôn. Hiện tại anh chị đã không chung sống với nhau từ đầu năm 2017 cho đến nay, mặc dù anh L đã thuyết phục chị quay về để chung sống nhưng chị D không đồng ý. Như vậy, việc anh L có hành vi bạo lực gia đình và vợ chồng không còn chung sống với nhau để cùng nhau thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau đã làm cho hôn nhân 2 anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được. Vậy nên, yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh L là có cơ sở nên chấp nhận.

- Về con chung: khi ly hôn chị D yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Đăng K – Sinh ngày 18/6/2016 và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L cũng đồng ý giao con chung cho chị D nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nếu Tòa án chấp nhận cho chị D ly hôn.

Xét thấy 2 bên thống nhất về việc giao cháu K cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn nên HĐXX ghi nhận ý kiến trên của 2 đương sự.

- Về tài sản chung: Cả 2 thống nhất tài sản chung của cả 2 là 37.000.000 đồng, trong đó anh chị có đưa số tiền 20.000.000 đồng cho mẹ chồng là bà O để bà cho người khác vay. Tuy nhiên, hiện anh chị không yêu cầu người vay tiền của vợ chồng trả số tiền đã vay, mà anh L cũng thống nhất sẽ giao cho chị D số tiền 20.000.000 đồng theo yêu cầu của chị D. Còn phần anh L sẽ là 17.000.000 đồng còn lại. Anh L sẽ có yêu cầu đối với người vay tiền của vợ chồng anh sau.

Xét thấy cả 2 thống nhất về việc chia tài sản chung nên ghi nhận, buộc anh L giao cho chị D số tiền 20.000.000 đồng. Chia cho anh L số tiền 17.000.000 đồng còn lại. Anh L sẽ được quyền khởi kiện để yêu cầu người vay tiền của vợ chồng trả số tiền vay cho anh nếu có chứng cứ.

- Về nợ chung: không có ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Phạm Thị D nộp 300.000 đồng án phí DSST về ly hôn và số tiền án phí DSST về chia tài sản chung là $20.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.000.000 \text{ đồng}$. Anh L phải nộp án phí DSST là $17.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 850.000 \text{ đồng}$.

* Về ý kiến của đại diện VKSND huyện Cẩm Mỹ là phù hợp với quy định pháp luật và quan điểm của HĐXX nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266 của Bộ luật TTDS;

Các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82 và Điều 83, của Luật HNGĐ năm 2014;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Phạm Thị D.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho chị Phạm Thị D ly hôn với anh Nguyễn Tạ Thiện L.

- Về con chung: giao cháu Nguyễn Đăng K – Sinh ngày 18/6/2016 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh L.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ.

- Về tài sản chung:

+ Anh Nguyễn Tạ Thiện L có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị D số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

+ Chia cho anh Nguyễn Tạ Thiên L phần tài sản chung còn lại là 17.000.000 đồng (*Mười bảy triệu đồng*).

Dành quyền khởi kiện cho anh L để yêu cầu người vay tiền của vợ chồng trả cho anh.

- Về nợ chung: không có ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với mức lãi suất bằng 10%/năm tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2/ Về án phí:

+ Chị Phạm Thị D phải nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí DSST về ly hôn và 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) án phí DSST về chia tài sản chung nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 004075 ngày 16/6/2017 và số tiền 500.000 đồng (*Năm trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 004110 ngày 30/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai mà chị D đã nộp. Chị D còn phải nộp thêm số tiền 500.000 đồng (*Năm trăm ngàn đồng*) án phí.

+ Anh Nguyễn Tạ Thiên L phải nộp 850.000 đồng (*Tám trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí DSST về chia tài sản chung.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện CM;
- Thi hành án DS huyện CM;
- UBND xã S (số 21/2016);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Tường Vy